

Hiện nay, cả nước có 819 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 38,4%.

PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

TS. Phạm Thị Thảo*

Tóm tắt: Quản lý phát triển đô thị bền vững là vô cùng cần thiết, đặc biệt trong thời kỳ các đô thị nước ta phát triển rất nhanh và mạnh như hiện nay. Để tìm được những giải pháp thiết thực cho mục tiêu này, cần hiểu rõ những cơ hội, thách thức và triển vọng trong công tác quản lý đô thị của chúng ta hiện nay.

Từ khóa: Đô thị, quản lý, bền vững, phát triển
Nhận ngày: 20/2/2019, chỉnh sửa ngày 2/3/2019, chấp nhận đăng ngày 15/3/2019

Abstract: Sustainable urban development management is quite necessary, especially when cities in our country are developing so rapidly and strongly like now. In order to find out practical solutions for this goal, it is necessary to understand opportunities, challenges and prospects in urban management at present.

Key words: Urban, management, sustainable, development

Hiện nay, cả nước có 819 đô thị. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 38,4%. Đô thị là một cơ thể sống. Đô thị có yêu cầu cơ bản, đồng bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá, không gian và kết cấu hạ tầng. Đô thị hiện đại cần được các nhà quản lý có định hướng thống nhất và hoàn chỉnh. Thiếu đi một trong các nội dung trên đều làm cho đô thị mất cân bằng. Đã mất cân bằng thì không thể phát triển bền vững được. Vì vậy, cần nhận biết đầy đủ đồng thời các yêu cầu cũng như có giải pháp tổng thể trong công tác quản lý xây dựng và phát triển đô thị ở Việt Nam hiện nay.

Phát triển đô thị bền vững (PTĐTBV) cần trên cả 3 tiêu chí: Phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa các tiêu chí PTĐTBV là một thể thống nhất chặt chẽ, hữu cơ với nhau. Thiếu một trong các nhóm tiêu chí cũng như những tiêu chí trong các nhóm tiêu chí đều có thể dẫn tới đô thị sẽ không phát triển lành mạnh và càng không thể PTĐTBV. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 04 năm 2009 về việc Phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã đặt ra mục tiêu từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ

thống đô thị Việt Nam phát triển theo mô hình mạng lưới đô thị; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại; có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt; có nền kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc; có vị thế xứng đáng, tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, khu vực và quốc tế, góp phần thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ tổ quốc. Phấn đấu đến năm 2025, dân số đô thị đạt khoảng 52 triệu người, chiếm 50% dân số đô thị cả nước. Số lượng đô thị cả nước đạt khoảng 1000 đô thị, trong đó, đô thị từ loại I đến đặc biệt là 17 đô thị, đô thị loại II là 20 đô thị; đô thị loại III là 81 đô thị; đô thị loại IV là 122 đô thị, còn lại là các đô thị loại V.

* Trường Chính trị Sơn La

PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: CƠ HỘI THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG

Trong nhiều năm qua, quá trình đô thị hoá thiếu kiểm soát tạo ra nhiều vấn nạn, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị Việt Nam trong tương lai như:

- Quy hoạch đô thị thường lệch pha với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường nên thường không đáp ứng yêu cầu của thực tế, thường trở thành "quy hoạch treo". Việt Nam hiện nay đang sử dụng phương pháp quy hoạch tổng hợp mang khuôn khổ pháp lý định hướng từ trên xuống một cách cứng nhắc từ quy hoạch vùng quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị. Chúng ta chưa sử dụng phương pháp quy hoạch chiến lược hợp nhất để hài hòa giữa các bản quy hoạch nêu trên, do đó chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững. Một số vấn đề cơ bản còn tồn tại như:

- Quan hệ giữa đô thị với nông thôn, vùng và nhiều mối quan hệ khác không được giải quyết thỏa đáng;

- Thiếu tầm nhìn chiến lược phát triển bền vững;

- Mô hình cấu trúc đô thị kém linh hoạt không thích ứng với quá trình chuyển đổi;

- Chưa quan tâm thích đáng xây dựng môi trường cư trú của con người;

- Xây dựng kết cấu hạ tầng không đồng bộ, không đạt chuẩn và không phù hợp với các nguồn lực, thường kẹt xe gây ách tắc giao thông;

- Quản lý Nhà nước về đô thị thiếu chủ động, nhất là quản lý thực hiện quy hoạch;

- Thiếu hệ thống quan trắc, dự báo phòng ngừa các biến đổi khí hậu,

thiên tai và sự cố công nghệ có thể xảy ra.

Để đô thị phát triển bền vững cần có sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường theo một số hướng cơ bản sau:

Lấy con người làm trung tâm của sự phát triển:

- Cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh tế và môi trường tự nhiên;

- Cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và xã hội;

- Phát triển hài hòa giữa con người với công nghệ - kỹ thuật;

- Phát triển đa văn hóa và đời sống đạo đức, tinh thần của các nhóm người khác biệt nhau;

- Đảm bảo an ninh, hòa bình, trật tự và ổn định xã hội;

- Đảm bảo sự tham gia dân chủ của người dân trong tiến trình phát triển đô thị;

- Công bằng xã hội trong đời sống kinh tế;

- Đảm bảo hài hòa giữa các thế hệ. Phát triển không gian hợp lý;

- Phát triển cân đối đô thị - nông thôn;

Về kinh tế cần ưu tiên nhằm phát triển bền vững theo các tiêu chí sau:

- Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững;

- Thay đổi mô hình sản xuất và

tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường;

- Thực hiện quá trình "công nghiệp hoá sạch";

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững;

- Phát triển bền vững các vùng và địa phương; Về xã hội cần chú trọng các lĩnh vực sau:

- Tập trung nỗ lực để xoá đói, giảm nghèo, đẩy mạnh thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;

- Tiếp tục giảm mức tăng dân số và tạo thêm việc làm cho người lao động;

- Định hướng quá trình đô thị hoá và di dân nhằm phát triển bền vững các đô thị, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng;

- Nâng cao chất lượng giáo dục để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước;

- Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống;

Về lĩnh vực sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm cần ưu tiên để phát triển bền vững:

- Chống tình trạng thoái hoá đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất.



Để đô thị phát triển bền vững cần có sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường

- Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

- Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản

- Bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển.

- Bảo vệ và phát triển rừng.

- Giảm ô nhiễm không khí ở các đô thị và khu công nghiệp.

- Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Bảo tồn đa dạng sinh học.

- Thực hiện các biện pháp làm giảm nhẹ biến đổi khí hậu và hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, phòng và chống thiên tai.

Trong những năm qua, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp lý Quốc gia về định hướng phát triển bền vững nói chung hay PTĐTĐBV nói riêng:

- Ngày 17/8/2004 Chính phủ đã ra quyết định số 153/2004/TTg ban hành văn bản "Định hướng Chiến lược về phát triển bền vững ở Việt Nam - (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)";

- Quyết định 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

Với mục tiêu tổng quát là tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Xây dựng và củng cố vững chắc nông thôn theo

các tiêu chí nông thôn mới, phù hợp với đặc điểm từng vùng; giữ gìn và phát huy những nét văn hóa đặc sắc của nông thôn Việt Nam. Coi trọng mối liên kết đô thị - nông thôn. Khuyến khích phát triển các thành phố quy mô trung bình và nhỏ; giảm bớt sự khác biệt giữa các vùng, khu vực nông thôn với thành thị, giữa các cộng đồng dân cư và tạo sự hòa nhập xã hội bền vững.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỐI VỚI ĐÔ THỊ VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XXI

a) Không chủ trương phát triển các siêu đô thị: "Tăng cường hình thành mạng lưới đô thị hợp lý, tránh không tạo thành các siêu đô thị.

b) Phát triển bền vững và hài hòa đô thị - nông thôn: "Dần dần giảm bớt sự chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển Kinh tế - Xã hội giữa các vùng"

c) Điều hòa sự phát triển các đô thị lớn và cực lớn. "Các đô thị trung tâm lớn phải được tổ chức thành các chùm đô thị có vành đai xanh bảo vệ, để hạn chế tối đa sự tập trung dân số, cơ sở kinh tế và phá vỡ cân bằng sinh thái, tránh sự hình thành các siêu thành phố".

d) Phát triển phù hợp với sự phân bố và trình độ phát triển của lực lượng

sản xuất; phát triển cân đối giữa các vùng; coi trọng mối liên kết đô thị - nông thôn và phát triển bền vững.

e) Các giai đoạn phát triển quá độ:

+ Ưu tiên phát triển các vùng trọng điểm làm "đầu tàu" lôi cuốn các vùng khác cùng phát triển;

+ Hình thành và phát triển hệ thống đô thị thống nhất đa cực, đa loại và đa cấp;

+ Nhất thể hóa, phát triển hài hòa đô thị - nông thôn. Đa dạng hóa các nguồn lực phát triển và tăng cường phân cấp, nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính chủ động của các chính quyền đô thị, các địa phương.

g) Thực hiện 10 tiêu chuẩn đô thị phát triển, bền vững:

- Vị trí, chức năng của đô thị phù hợp trong hệ thống đô thị cả nước, của vùng và địa phương.

- Cơ sở kinh tế - kỹ thuật tạo động lực phát triển cân đối với quy mô của đô thị.

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, dân số, xã hội và môi trường đạt được tương xứng với cấp và loại đô thị.

- Cơ cấu quy hoạch xây dựng đô thị hợp lý, phù hợp với quá trình phát triển trước mắt và tương lai.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ với trình độ hiện đại hoặc thích hợp, tùy thuộc vào yêu cầu khai thác và sử dụng của từng khu vực trong đô thị.



Điều hòa sự phát triển các đô thị lớn và cực lớn

- Kết hợp hài hoà giữa cải tạo với xây dựng mới; giữ gìn bản sắc văn hoá, truyền thống dân tộc, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới

- Có kế hoạch, chương trình và các dự án đầu tư thiết thực, khả thi, phù hợp với khả năng tạo vốn và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức hợp lý môi sinh, bảo vệ môi trường, giữ cân bằng sinh thái đô thị, phòng chống thiên tai và các sự cố công nghệ.

- Hoạch định các chính sách, cơ chế phù hợp với hoàn cảnh của địa phương, giải phóng các tiềm năng, khơi thông được mọi nguồn lực để phát triển mạnh mẽ đô thị, nhưng vẫn giữ được trật tự, kỷ cương và tăng cường kiểm soát sự phát triển của đô thị theo quy hoạch và pháp luật;

- Kết hợp phát triển đô thị với đảm bảo an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Ứng dụng phương pháp quy hoạch chiến lược hợp nhất: Phù hợp với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam. Quy hoạch cần mang tính chiến lược thay vì toàn diện, linh hoạt thay vì cứng nhắc, mang tính hành động thay vì lý thuyết, tập trung vào quy trình thay vì sản phẩm, mang tính dài hạn thay vì nhiệm kỳ, tính đến toàn cầu hóa thay vì chỉ địa phương, hợp nhất liên ngành...

Để xác định được các tiêu chí phát triển đô thị bền vững mỗi thành phố cần có một tổ chức đứng ra làm đầu mối hợp nhất các bản quy hoạch: Kinh

tế, xã hội, bảo vệ môi trường, cơ sở hạ tầng đô thị và không gian đô thị (theo phương pháp quy hoạch chiến lược hợp nhất) để tìm ra các chiến lược phát triển trong một khu vực chung.

Quy hoạch có sự tham gia rộng rãi của công chúng và các bên liên quan thay vì ý chí chính trị và quan điểm chuyên gia thuần túy. Kiến tạo hình thức đô thị mới theo hướng thân thiện, bảo vệ môi trường tài nguyên và nâng cao chất lượng không gian sống. Thiết lập hình thái đô thị hiện đại và bản sắc, giữ gìn và phát huy di sản văn hoá vật thể, phi vật thể đô thị.

Quy hoạch cải tạo chỉnh trang đô thị và phát triển các khu đô thị mới vì mục tiêu phát triển bền vững cần đảm bảo các tiêu chí sau:

- Phát triển các công trình theo chiều cao, tận dụng các không gian ngầm để tiết kiệm đất đai, tài nguyên thiên nhiên, giảm chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tiết kiệm, hiệu quả trong vận hành đô thị và hoạt động của dân cư;

- Bảo tồn địa hình địa mạo tự nhiên, bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị, khuyến khích tiết kiệm nước;

- Hạn chế sử dụng phương tiện di chuyển sử dụng năng lượng gây ô nhiễm, tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, xây dựng các tuyến đường dành cho xe đạp, xe thô sơ và người đi bộ;

- Đảm bảo xử lý tốt chất thải rắn, lỏng và khí. Tái sinh vật liệu phế thải;

- Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị;

- Phù hợp với điều kiện hiện trạng cũng như quy hoạch xây dựng của các khu vực lân cận và các khu vực có liên quan về: Mật độ và tầng cao xây dựng; cảnh quan đô thị; hệ thống hạ tầng xã hội và các chức năng sử



Cần giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị

dụng đất khác. Phù hợp với giá trị lịch sử, giá trị kiến trúc và chất lượng của các công trình hiện có.

Giải quyết tốt các vấn đề trong quản lý phát triển đô thị bền vững cần có sự nỗ lực, chung tay từ các cấp ngành, các chuyên gia, địa phương và hiệu quả đem lại là những thành công, những đột phá trong quá trình xây dựng và phát triển tại các đô thị. Với những nỗ lực triển khai như hiện nay, tương lai không xa Việt Nam sẽ có thêm rất nhiều đô thị mới hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển nhưng vẫn gắn kết được các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa lịch sử của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định Số 445/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản dưới Luật (NĐ 38/2010/NĐ-CP, NĐ 11/2013/NĐ-CP, QĐ 1961/2010/QĐ-TTg...)

3. Viện QHXDHN. 2014. Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN DỰ ÁN EPC

Ths. Đặng Thị Dinh Loan*

Dự án đầu tư xây dựng có vai trò rất quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Hàng năm, nước ta có hàng chục ngàn dự án được triển khai với lượng vốn lớn và ngày càng có xu hướng gia tăng. Nhiều dự án đầu tư xây dựng những năm qua đã và đang tạo nên sự chuyển biến to lớn về hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng năng lực sản xuất, đóng góp đáng kể vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG – MỘT SỐ KHÁI NIỆM

Cùng với quá trình đổi mới cơ chế quản lý chi phí đầu tư xây dựng sau khi Luật Xây dựng năm 2003 được ban hành có hiệu lực, việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cũng được đổi mới, hình thức quản lý dự án theo hướng tổng thầu thiết kế, cung ứng vật tư, thiết bị, thi công xây dựng công trình (tổng thầu EPC) ngày càng được các chủ đầu tư (các công ty, các tập đoàn kinh tế, các Bộ, Ngành,...) chú trọng triển khai thực hiện bởi tính ưu việt của hình thức này. Tuy nhiên, hoạt động tại các dự án đầu tư xây dựng nói chung và các dự án EPC nói riêng đã và đang bộc lộ ngày càng nhiều vấn đề bức xúc, yếu kém, bất cập như: Đầu tư dàn trải, quản lý lỏng lẻo, sai phạm, thất thoát, nợ đọng lớn, lãng phí vốn đầu tư, hiệu quả đầu tư thấp,...

Nhằm tăng cường tính kinh tế, tính hiệu lực và tính hiệu quả của các dự án đầu tư xây dựng nói chung và các dự án EPC nói riêng, trong những năm qua, đã triển khai thực hiện công tác kiểm toán nhiều dự án EPC. Công tác kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng theo hình thức EPC hiện nay vẫn còn khá mới mẻ, do đó quá trình kiểm toán còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến chất lượng kết quả kiểm toán chưa cao.

EPC là một hình thức quản lý mới trong triển khai dự án đầu tư xây dựng công trình. EPC là các chữ viết tắt của cụm từ Tiếng Anh: Engineering

- Procurement of Goods - Construction. Khái niệm này được hiểu là trong cùng một gói thầu, một hợp đồng, nhà thầu được giao thực hiện cả ba nội dung công việc: Tư vấn (ví dụ khảo sát, thiết kế, giám sát), mua sắm hàng hóa mà cụ thể là vật tư, thiết bị cho dự án và thi công xây lắp công trình. EPC là một hình thức cụ thể của cách tiếp cận: Giao cho cùng một nhà thầu vừa thiết kế vừa thi công xây lắp (Design Build - DB), khác với cách tiếp cận truyền thống thiết kế xong mới chọn nhà thầu thi công (Design - Bid - Build). Trong mỗi hoàn cảnh cụ thể, EPC bao hàm các phạm vi công việc khác nhau, có thể là việc thực hiện cả dự án, cũng có thể là thực hiện một gói thầu/hạng mục công trình thuộc dự án. Hiệp hội Quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) soạn thảo điều kiện hợp đồng mẫu cho dự án EPC, như vậy là EPC áp dụng theo dự án.

Gói thầu EPC: Theo Khoản 21 Điều 4 Luật Đấu thầu, gói thầu EPC là gói thầu bao gồm toàn bộ các công việc thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp.

Hợp đồng EPC: Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công

* Viện Kinh tế XD & Đô thị - Học Viện AMC

xây dựng công trình (Hợp đồng EPC) là hợp đồng để thực hiện các công việc từ thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ đến thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình; hợp đồng tổng thầu EPC là hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng tất cả các công trình của một dự án đầu tư.

Tổng thầu EPC: Là hình thức nhà thầu ký kết hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư xây dựng công trình để nhận thầu toàn bộ công việc của dự án hoặc công việc của gói thầu. Bao gồm các công việc thiết kế, mua sắm thiết bị vật tư và xây lắp.

THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THEO HÌNH THỨC EPC

Trình tự thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức EPC

Trình tự thực hiện dự án đầu tư xây dựng (ĐT XD) là các giai đoạn (các khâu) mà dự án phải trải qua bắt đầu từ hình thành ý đồ dự án đến khi kết thúc dự án. Trình tự thực hiện dự án ĐT XD theo hình thức EPC cũng chính là trình tự thực hiện dự án ĐT XD nói chung, gồm các giai đoạn: Ý đồ hình thành dự án đầu tư xây dựng, Chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng, Thực hiện dự án đầu tư xây dựng, Kết thúc xây dựng, bàn giao công trình, Khai thác sử dụng công trình, Đánh giá kết thúc dự án đầu tư xây dựng.

Nội dung kiểm toán dự án EPC

Nội dung kiểm toán dự án đầu tư xây dựng theo hình thức EPC cũng giống như nội dung kiểm toán dự án đầu tư xây dựng nói chung, gồm 03 nội dung: Kiểm toán tuân thủ luật pháp, chế độ quản lý đầu tư, chế độ tài chính kế toán trong các giai đoạn: Chuẩn bị đầu tư; Thực hiện đầu tư; Kết thúc đầu tư đưa công trình vào sử dụng. Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư thực hiện, bao gồm: Kiểm toán nguồn vốn đầu tư; Kiểm toán vốn đầu tư thực hiện; Kiểm toán chi phí đầu tư tính vào giá trị công trình; Kiểm toán giá trị tài sản bàn giao cho sản xuất sử dụng; Kiểm toán tình hình công nợ và vật tư, thiết bị tồn đọng. Kiểm toán tính kinh tế, tính hiệu lực, tính hiệu quả của dự án đầu tư.

Trình tự kiểm toán dự án EPC: Kiểm toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản nói chung đều tuân thủ một trình tự nhất định theo các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được công nhận, bao gồm 3 bước cơ bản: Chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán. Tuy nhiên, do có những điểm riêng biệt, nên nội dung và phương pháp kiểm toán cũng có những điểm khác nhau.

Phương pháp kiểm toán dự án EPC: Phương pháp kiểm toán là các biện pháp, phương thức được vận dụng trong quá trình kiểm toán nhằm đạt được mục đích kiểm toán đề ra. Quá trình kiểm toán không chỉ là xem xét trên các chứng từ, tài liệu hiện có của đơn vị, các số liệu trên chứng từ chỉ là hình thức biểu hiện của một loạt các mối quan hệ kinh tế diễn ra trong thực tế. Và để có thể kiểm tra, xác minh được tính trung thực, hợp lý của các chứng từ, tài liệu kế toán thì không chỉ dùng một phương pháp nào đó mà phải vận dụng tổng hợp các phương pháp kiểm toán. Hệ thống phương pháp kiểm toán được vận dụng trong quá trình kiểm toán dự án ĐT XD nói chung cũng như dự án EPC nói riêng là:



Phương pháp kiểm toán chứng từ:

Phương pháp kiểm toán chứng từ được thiết kế và sử dụng nhằm mục đích thu thập các bằng chứng có liên quan đến các dữ liệu do hệ thống kế toán xử lý và cung cấp.

Phương pháp kiểm toán ngoài

chứng từ: Việc áp dụng các phương pháp kiểm toán là nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho các ý kiến nhận xét của kiểm toán viên.

Phương pháp kỹ thuật chọn mẫu

trong kiểm toán: Chọn mẫu kiểm toán là việc áp dụng các phương pháp kiểm toán chứng từ và ngoài chứng từ để kiểm tra dưới 100% các khoản mục trong phạm vi số dư của một tài khoản hoặc một nghiệp vụ nhằm giúp kiểm toán viên (KTV) thu thập, đánh giá từng bằng chứng của các số dư, nghiệp vụ có đặc điểm tương tự như nhau để hình thành các ý kiến kết luận về các loại số dư và nghiệp vụ đó.

Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán dự án EPC

Chế độ, chính sách của Nhà nước, thái độ của chủ đầu tư, đơn vị được kiểm toán, quy mô và mức độ phức tạp của dự án EPC, năng lực và đạo đức nghề nghiệp của KTV.

Thực trạng chất lượng kiểm toán dự án ĐT XD theo hình thức EPC do kiểm toán thực hiện

Kiểm toán dự án EPC trong những năm qua của các đơn vị kiểm toán đã đạt được một số kết quả nhất định, không chỉ thể hiện qua con số hàng trăm tỷ đồng mà

quan trọng hơn là thông qua công tác kiểm toán đã góp phần chấn chỉnh, ngăn ngừa các sai phạm thường xảy ra, hạn chế thất thoát để tăng cường công tác quản lý và đổi mới cơ chế chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.

Các vấn đề còn tồn tại: Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định trong công tác kiểm toán các dự án EPC, song quá trình kiểm toán mới chỉ dừng ở một mức độ nhất định, còn phát sinh nhiều hạn chế cần phải khắc phục để nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm toán.

Thứ nhất: Công tác khảo sát, thu thập thông tin chưa tốt. Thời gian thực hiện khảo sát, thu thập thông tin còn quá ngắn. Các dự án EPC thường là các dự án có giá trị khối lượng tương đối lớn, tuy nhiên công tác khảo sát, thu thập thông tin thường chỉ kéo dài trong khoảng 1 tuần. Do đó, chất lượng thông tin thu thập được đôi khi chưa đảm bảo phản ánh đúng thực trạng của dự án. Việc khảo sát và thu thập thông tin chủ yếu thu được từ việc phỏng vấn các cán bộ quản lý và các báo cáo của Ban QLDA cung cấp nên mang tính chất một chiều, các KTV chưa thực hiện các thử nghiệm hệ thống kiểm soát, chưa xây dựng các bảng câu hỏi để đánh giá sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ nên chất lượng công tác khảo sát còn hạn chế.

Thứ hai: Việc xác định trọng yếu, rủi ro kiểm toán còn mang tính kinh nghiệm, chủ quan của KTV. Công tác xác định trọng yếu, rủi ro kiểm toán hiện nay chưa có sự gắn kết với đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ về sự hiện hữu, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ. Xác định quy mô mẫu kiểm toán chưa có sự gắn kết với công tác đánh giá trọng yếu, rủi ro kiểm toán, mà thường chủ yếu căn cứ vào thời gian và nhân lực hiện có của đơn vị để xác định nên hiệu quả còn ở mức độ hạn chế nhất định.

Thứ ba: Chất lượng công tác lập kế hoạch kiểm toán chưa cao. Kế hoạch kiểm toán tổng quát của đa số các cuộc kiểm toán chủ yếu xây dựng cho cuộc kiểm toán báo cáo quyết toán dự án ĐTXD hoàn thành, chưa chú trọng đến việc kiểm toán tính kinh tế, tính hiệu lực và tính hiệu quả của dự án. Kế hoạch kiểm toán chi tiết mới có tác dụng chủ yếu như là giấy phân công nhiệm vụ, xác định phương pháp kiểm toán còn mang tính chung chung, chưa nêu rõ trọng tâm kiểm toán đối với từng nội dung, chưa thể hiện được đầy đủ các bước phải tiến hành khi kiểm toán đối với từng nội dung. Vì vậy, với những KTV mới vào nghề hoặc kinh nghiệm kiểm toán chưa nhiều sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi kiểm toán, có thể bỏ sót các công việc phải thực hiện khi kiểm toán nội dung được phân công; Trưởng đoàn kiểm toán và các Tổ trưởng tổ kiểm toán khó thực hiện được công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của KTV. Việc xác định mục tiêu, mẫu kiểm toán trong kế hoạch kiểm toán chi tiết



ở một số tổ kiểm toán nhiều khi ghi lại mục tiêu chung để ra trong kế hoạch kiểm toán tổng quát của đoàn kiểm toán, chưa cụ thể theo từng nội dung được phân công cho các KTV thực hiện.

Thứ tư: Chất lượng công tác kiểm toán việc chấp hành trình tự thủ tục đầu tư chưa đảm bảo. Các KTV chưa lập thành biểu và xác nhận theo từng nội dung đã thực hiện kiểm tra mà chỉ nhận xét tổng hợp trên biên bản xác nhận số liệu của KTV về các phát hiện sai sót, nên tính đầy đủ và chính xác của các kết luận kiểm toán hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ và trách nhiệm của KTV thực hiện. Tổ trưởng tổ kiểm toán và Trưởng đoàn kiểm toán khó kiểm soát các hoạt động của các KTV, đặc biệt là việc bỏ sót các thủ tục kiểm tra của các KTV.

Thứ năm: Công tác kiểm toán quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành còn nhiều hạn chế. Các KTV chủ yếu sử dụng phương pháp kiểm toán hồ sơ tài liệu, việc kiểm tra thực tế hiện trường, đối chiếu với nhà thầu, đơn vị cấp phát vốn chưa được chú trọng nên khó phát hiện những sai sót, gian lận nếu những tài liệu đã được các bên hợp thức hóa, hoặc do thiếu sót của kế toán đơn vị. Việc áp dụng phương pháp kiểm tra hiện

trường còn mang tính kinh nghiệm, một số đoàn kiểm toán chỉ thực hiện kiểm tra đối với những khối lượng thấy nghi ngờ, nhưng thường chưa tuân thủ quy trình kiểm tra, trong nhiều trường hợp không lập biên bản kiểm tra hiện trường nên kết quả còn hạn chế, bằng chứng kiểm toán thiếu tính thuyết phục. Trong hợp đồng EPC, giá hợp đồng có thể là trọn gói cho toàn bộ hợp đồng, nhưng cũng có thể một phần công việc là trọn gói, một phần là theo thực tế khối lượng thực hiện. Thực tế các chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác nằm trong giá trọn gói trong hợp đồng EPC thường không chi tiết theo từng khối lượng của từng công việc, từng thiết bị cụ thể, mà chỉ có biểu giá tổng hợp theo hạng mục công trình. Khi nhà thầu đã thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết thì được thanh toán theo đúng giá đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Chính có sự khác nhau đó nên việc áp dụng các phương pháp kiểm toán để kiểm toán các dự án EPC cũng có sự khác biệt so với kiểm toán các dự án ĐTXD khác. Nhưng do một số KTV không hiểu rõ về hợp đồng EPC nên khi kiểm tra quyết toán các hợp đồng EPC theo hình thức giá hợp đồng trọn gói lại tính toán lại khối lượng từ các bản vẽ thiết kế, hoàn công và áp giá cho từng nội dung để tính toán giá trị được quyết toán như hình thức quản lý truyền thống, là chưa phù hợp với chế độ hiện hành dẫn đến kiến nghị chưa phù hợp. Hầu hết các cuộc kiểm toán được thực hiện ở thời điểm chưa hoàn thành công tác lập báo cáo quyết toán dự án nên không thực hiện kiểm toán chỉ tiêu chi phí đầu tư tính vào giá trị công trình, tình hình công nợ và vật tư thiết bị tồn đọng.

Thứ sáu: Chưa chú trọng công tác kiểm toán tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả. Việc kiểm toán tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của các dự án đầu tư nói chung và kiểm toán các dự án EPC nói riêng là rất khó khăn do đa số các KTV chưa được đào tạo về kiểm toán hoạt động nên chưa nắm được cách thức kiểm toán, các nội dung phải thực hiện, cũng như các căn cứ, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá. Do vậy, hiện nay đa số các cuộc kiểm toán mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá khái quát, chưa thực hiện kiểm toán đầy đủ theo các nội dung kiểm toán tính kinh tế như hướng dẫn trong quy trình kiểm toán.

Thứ bảy: Công tác tổng hợp, lập BCKT còn nhiều sai sót. Việc tổng hợp các số liệu, nhận xét từ các biên bản kiểm toán của các KTV để lập báo cáo kiểm toán (BCKT) thường được Tổ soạn thảo do Trưởng đoàn kiểm toán phân công thực hiện. Do khối lượng công việc lớn nên nhiều khi số liệu tổng hợp còn chưa chính xác, các kết quả của KTV chưa được phản ánh đầy đủ trong BCKT. Việc áp dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của dự án còn nhiều hạn chế chưa đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của Quy trình kiểm toán. Các nhận xét, kiến nghị kiểm toán trong BCKT đôi khi còn chưa phản ánh một cách thẳng thắn vấn đề đặt ra, còn chung chung, đại khái nhất là đối với các dự án trọng điểm quốc gia, có sự tham gia của nhiều cơ quan chức năng Nhà nước.

Thứ tám: Công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kiến nghị kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay, việc kiểm toán mới chỉ tập trung vào công tác kiểm toán, chưa chú trọng công tác hậu kiểm, tức là việc theo dõi, đôn đốc các đơn vị được kiểm toán

thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của kiểm toán. Việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kiến nghị kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán mới chỉ được chú trọng trong thời gian gần đây. Do vậy, không kiểm soát được những đơn vị nào không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các kết luận, kiến nghị của kiểm toán trước đó.

Thứ chín: Công tác kiểm tra việc thực hiện kiến nghị còn nhiều vướng mắc. Thời gian thực hiện kiểm tra kiến nghị tại các đơn vị được kiểm toán còn ít, việc kiểm tra thường được lồng ghép với các cuộc kiểm toán khác, KTV ngoài việc đi kiểm tra còn thực hiện công việc kiểm toán nên không tránh khỏi có những sai sót. Mặt khác, các nhận xét, kết luận, kiến nghị trong các BCKT hiện nay vẫn còn chung chung gây khó khăn cho các KTV trong quá trình đi kiểm tra, tiếp cận vấn đề.

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN DỰ ÁN ĐTXD THEO HÌNH THỨC EPC

Một là: Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị kiểm toán dự án EPC, công tác khảo sát, thu thập thông tin về dự án EPC, công tác lập kế hoạch kiểm toán dự án EPC, công tác thực hiện kiểm toán dự án EPC, tăng cường kiểm tra xác minh thực tế ngoài hiện trường, thực hiện đa dạng hóa loại hình kiểm toán trong kiểm toán dự án EPC, tích cực trao đổi thông tin trong quá trình kiểm toán, tham khảo ý kiến chuyên gia về dự án EPC nếu cần thiết.

Hai là: Nâng cao chất lượng công tác lập báo cáo kiểm toán và kiểm tra thực hiện kiến nghị. Nâng cao chất lượng công tác tổng hợp lập báo cáo kiểm toán, nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự thảo báo cáo kiểm toán, công tác kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán.

Ba là: Bổ sung những nội dung về kiểm toán dự án EPC trong Quy trình kiểm toán dự án đầu tư. Quy trình kiểm toán được coi như cẩm nang hay sổ tay kiểm toán của KTV trong suốt quá trình kiểm toán, từ giai đoạn chuẩn bị kiểm toán đến giai đoạn lập BCKT. Tuy nhiên, quy trình kiểm toán dự án đầu tư xây dựng đang được áp dụng hiện nay chưa thực sự hoàn chỉnh, thiếu chi tiết và một số nội dung còn chung chung, không có mục quy định riêng cho việc kiểm toán dự án EPC nên tác dụng của quy trình bị hạn chế. Việc hoàn thiện quy trình kiểm toán dự án đầu tư sẽ phát huy tác dụng rất tốt đối với việc nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của quá trình thực hành kiểm toán đối với mỗi KTV, thuận tiện cho công tác đào tạo, tập huấn góp phần tích cực nâng cao chất lượng kiểm toán.

Bốn là: Bổ sung nội dung xác định trọng tâm, rủi ro trong kiểm toán dự án EPC. Xác định trọng tâm kiểm toán, xác định rủi ro kiểm toán, bổ sung nội dung kiểm toán chi phí đầu tư dự án EPC.

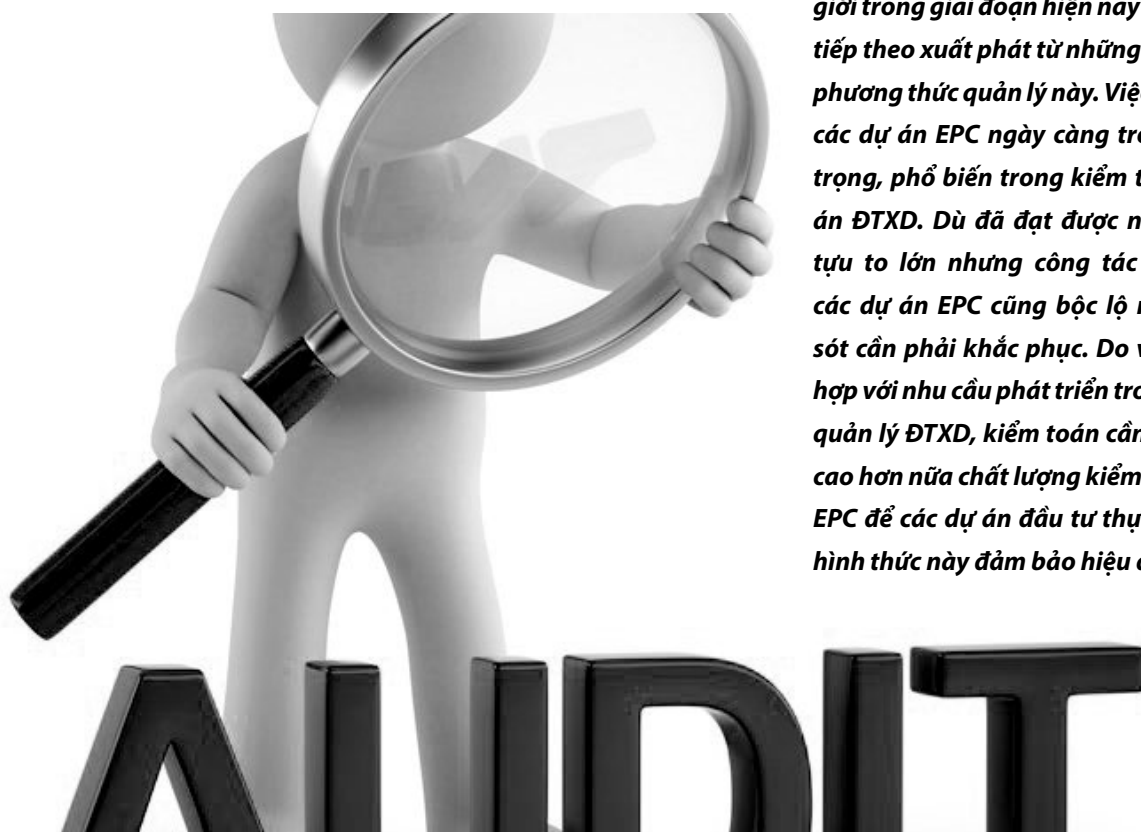
Năm là: Nội dung kiểm toán chi phí đầu tư trong quy trình kiểm toán dự án đầu tư hiện nay vẫn còn chung chung, cần bổ sung mục hướng dẫn riêng áp dụng cho kiểm toán dự án EPC. Trong đó, nên đi sâu, chi tiết vào từng nội dung kiểm toán: Kiểm toán chi phí xây lắp, kiểm toán chi phí thiết bị, kiểm toán chi phí khác.

Sáu là: Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ KTV. Nhân tố quan trọng quyết định chất lượng kiểm toán đó chính là đội ngũ KTV. Chất lượng KTV hiện nay chưa thực sự đáp ứng với sự phát triển, một số KTV chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán. Mỗi đơn vị kiểm toán cần có các giải pháp cụ thể như: Nâng cao chất lượng đội ngũ KTV ngay từ khâu tuyển dụng, nâng cao nhận thức, tinh thần tự giác học tập, rèn luyện của mỗi KTV, nâng

cao chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, tập huấn, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá năng lực của các KTV, đảm bảo điều kiện đời sống cho KTV.

Bảy là: Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động kiểm toán trong kiểm toán dự án EPC. Hoạt động kiểm toán được thực hiện bằng các cuộc kiểm toán bởi các Đoàn kiểm toán. Vì vậy, nói tới quản lý hoạt động kiểm toán, trước hết là quản lý hoạt động của các Đoàn kiểm toán. Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán được thực hiện ở cả bốn giai đoạn của quy trình kiểm toán: Chuẩn bị kiểm toán; thực hiện kiểm toán; Lập và gửi báo cáo kiểm toán; Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán. Quan hệ kiểm soát theo chiều dọc, công việc kiểm soát chất lượng kiểm toán được thực hiện từ dưới lên, theo 4 cấp độ: Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán, Kiểm toán trưởng.

Quản lý, triển khai thực hiện các dự án EPC đã và đang trở thành một xu hướng chính của Việt Nam và trên thế giới trong giai đoạn hiện nay và các năm tiếp theo xuất phát từ những ưu việt của phương thức quản lý này. Việc kiểm toán các dự án EPC ngày càng trở nên quan trọng, phổ biến trong kiểm toán các dự án ĐTXD. Dù đã đạt được nhiều thành tựu to lớn nhưng công tác kiểm toán các dự án EPC cũng bộc lộ nhiều thiếu sót cần phải khắc phục. Do vậy, để phù hợp với nhu cầu phát triển trong lĩnh vực quản lý ĐTXD, kiểm toán cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm toán dự án EPC để các dự án đầu tư thực hiện theo hình thức này đảm bảo hiệu quả đầu tư.



ĐẢM BẢO AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ CHUNG CƯ, NHÀ CAO TẦNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trịnh Thế Tuấn*

Thiếu Thanh Thuận**

Tóm tắt: Quá trình đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay đang có những bước phát triển mạnh mẽ, xây dựng và phát triển ở các khu đô thị đang diễn ra nhanh chóng, trong đó nhà chung cư, nhà cao tầng đang là một lựa chọn tất yếu tại các thành phố phát triển như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh,... Công tác đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) trong xây dựng và phát triển nói chung và đối với nhà chung cư, nhà cao tầng nói riêng đang là vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng việc xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng ở Việt Nam từ đó, đề xuất một số giải pháp đảm bảo an toàn về PCCC góp phần phát triển bền vững.

Từ khóa: Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, an toàn, nhà chung cư, nhà cao tầng.

Nhận ngày 15/1/2019, chỉnh sửa ngày 2/2/2019, chấp nhận đăng ngày 1/3/2019

Abstract: The urbanization in Viet Nam is having strong steps, the constructing and developing in urban areas are making rapid progress, in which apartment buildings, high rise buildings are inevitable choices in developing cities such as Hanoi, Ho Chi Minh city, ... Ensuring safety on fire prevention and firefighting in construction and development in general and in apartment buildings, high-rise buildings in particular is an urgent issue in Vietnam as well as in the world. The article focuses on evaluating the practical situation of constructing and developing apartment buildings, high-rise buildings in Viet nam in order to propose some solutions to ensure the safety on fire prevention and firefighting, contributing to the sustainable development.

Key words: Fire prevention and firefighting, rescue, safety, apartment buildings, high-rise buildings

* Khoa Phòng cháy

** Khoa cứu nạn, cứu hộ

Trường Đại học Phòng cháy Chữa cháy



**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NHÀ CHUNG CƯ NHÀ CAO TẦNG**

Trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị ở các nước trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, nhà chung cư, nhà cao tầng ngày càng được xây dựng nhiều. Trong tương lai, với xu thế đô thị ngày càng phát triển, làm cho mật độ dân cư tập trung ở đô thị rất lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,... dẫn đến diện tích xây dựng ở các đô thị bị thu hẹp, thêm vào đó là giá đất ngày càng cao nên việc xây dựng nhà chung cư, nhà cao tầng là xu thế tất yếu khách quan. Bên cạnh đó, quy mô và chiều cao của công trình ngày càng lớn, tính chất sử dụng ngày càng đa dạng hơn, cùng với việc áp dụng các thành tựu mới của khoa học và công nghệ. Sự phát triển đó đã đặt ra cho các cấp, ngành không ít khó khăn, thách thức trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với việc xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng hiện nay.



Xu thế xây dựng nhà chung cư, nhà cao tầng là tất yếu khách quan

Hiện nay, theo thống kê cho thấy, toàn quốc có 4.166 nhà chung cư, nhà cao tầng, trong đó có 538 nhà được xây dựng trước Luật PCCC năm 2001 (chiếm 12,91%), 3.628 nhà được xây dựng sau Luật PCCC năm 2001 (chiếm 87,09%); về chiều cao công trình, có 3.928 nhà cao dưới 30 tầng (chiếm 95,58%), có 184 nhà cao từ 30 tầng trở lên (chiếm 4,42%); về bố trí công năng, có 2.204 nhà chung cư (chiếm 52,9%), 637 nhà đa năng có kết hợp với căn hộ, trung tâm thương mại (chiếm 12,29%), 3.448 nhà cao tầng (chiếm 82,76%). Nhà chung cư, nhà cao tầng chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn như tại TP. Hồ Chí Minh (1522/4166 nhà chiếm 36,53%), Hà Nội (1626/4166 nhà chiếm 39,03%),...; 08 địa phương không có nhà chung cư, nhà cao tầng đó là Bình Phước, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Tháp, Kon Tum, Long An, Trà Vinh, Yên Bái [3].

Trong những năm gần đây, tình hình cháy nổ nhà chung cư, nhà cao tầng có diễn biến ngày càng phức tạp, khi cháy xảy ra thường để lại những hậu quả rất nặng nề về người và tài sản, điển hình như: Vào trưa ngày 29/10/2002, đã xảy ra vụ cháy ở tòa nhà Trung tâm thương mại quốc tế ITC tại Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, vụ cháy đã làm 60 người chết, 70 người khác bị thương và thiệt hại tài sản hơn 32 tỷ đồng; hay vào 18 giờ 00 phút ngày 10/3/2010, đã xảy ra vụ cháy tại tầng 16 chung cư JSC 34 ở Lê Văn Lương, TP. Hà Nội, vụ cháy đã làm hai người tử vong do ngạt khói; gần đây nhất là vụ cháy tại chung cư Carina Plaza phường 16, quận 8, TP. Hồ Chí Minh vào rạng sáng 23/3/2018 khiến 13 người chết và 28 người bị thương;...



Sự cố cháy chung cư Carina Plaza vào hồi 0h30' ngày 23/3/2018 tại đường Võ Văn Kiệt, phường 16, quận 8, Tp.HCM gây thiệt hại lớn về người và tài sản

Nhận thức được sự nguy cơ tiềm ẩn cháy, nổ tại các nhà chung cư, nhà cao tầng, bên cạnh đó, việc xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng là một tất yếu khách quan và được Đảng, Nhà nước, Chính phủ rất quan tâm, đặc biệt là trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC. Đã tập trung chỉ đạo các Bộ, Ban, Ngành có liên quan ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC có liên quan đến nhà chung cư, nhà cao tầng, cụ thể như: Luật PCCC; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013; Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2018;...; các văn bản về xây dựng có liên quan đến nhà chung cư, nhà cao tầng như: Luật Xây dựng; Luật Nhà ở; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015; Nghị định số 101/2015/

NĐ-CP ngày 20/10/2015; Thông tư số 10/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015; Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/2/2016;... Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như: QCVN 08:2009/BXD; QCVN 06:2010/BXD; TCVN 3890:2009; TCVN 6160:1996;...

Như vậy có thể thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC trong xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng là tương đối đầy đủ và là cơ sở pháp lý vững chắc góp phần đảm bảo an toàn về PCCC trong quá trình xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng hiện nay. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC trong xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: Có 659/4166 nhà chung cư, nhà cao tầng chưa thẩm duyệt thiết kế về PCCC (chiếm 15,81%), trong đó có 536 công trình xây dựng trước Luật PCCC năm 2001, 123 công trình được xây dựng sau năm 2001; 123/4166 công trình chưa được nghiệm thu về PCCC (chiếm 3,0%); 466/4166 công trình không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC (chiếm 11,2%); 211/4166 công trình không đảm bảo về giao thông phục vụ chữa cháy (chiếm 5,06%); 447/4166 công trình không có hệ thống cấp nước ngoài nhà (chiếm 10,73%); 1119/4166 công trình không đảm bảo về giải pháp chặn cháy lan (chiếm 26,86%); 1131/4166 công trình không có giải pháp ngăn cháy lan (chiếm 27,15%); 631/4166 công trình không có hệ thống báo cháy tự động (chiếm 15,14%); 533/4166 công trình không có hệ thống chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà, tự động) (chiếm 12,79%); 371/4166 có hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC không đảm bảo theo quy định (chiếm 8,9%); 639/4166 công trình có hệ thống điện không đảm bảo theo quy định (chiếm 16,63%); 784/4166 công trình không tiến hành kiểm tra bảo dưỡng phương tiện PCCC theo định kỳ (chiếm 19,14%); 1557/4166 công trình không thực hiện việc mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (chiếm 37,37%) [3].

NGUYÊN NHÂN, TỒN TẠI

Trong những năm qua, mặc dù công tác PCCC tại các cơ sở đã có những chuyển biến tích cực, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế cả khách quan và chủ quan. Trong đó, tại nhiều thành phố, khu đô thị, quy hoạch hạ tầng về giao thông, nguồn nước, khoảng cách an toàn PCCC giữa các

công trình còn nhiều bất cập, không đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn PCCC. Nhiều công trình được xây dựng lâu năm đã xuống cấp, tình trạng tự ý coi nới, lấn chiếm, sửa chữa cải tạo nhất là tại các khu dân cư, nhà ở tập thể... đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến các điều kiện bảo đảm an toàn về PCCC.

Một trong những nguyên nhân làm hạn chế công tác PCCC còn phải kể đến: Nhiều nhà chung cư, nhà cao tầng được xây dựng trước Luật PCCC năm 2001, đặc biệt là trước năm 1975 hoặc chung cư mini thường không được trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xây dựng, PCCC chưa thống nhất trong thực hiện các thủ tục cấp phép giữa cơ quan Cảnh sát PCCC với các cơ quan quản lý về xây dựng như thẩm duyệt thiết kế PCCC, thẩm định về PCCC, cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng,....;



Nhiều công trình được xây dựng lâu năm đã xuống cấp, tình trạng tự ý coi nới, lấn chiếm, sửa chữa cải tạo tại các khu dân cư, nhà ở tập thể... đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến các điều kiện bảo đảm an toàn về PCCC

Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC đối với nhà chung cư, nhà cao tầng còn chưa đầy đủ, chưa có quy định riêng đối với một số loại công trình như nhà chung cư, nhà văn phòng, nhà đa năng, chung cư mini, nhà nghỉ,...; chủ đầu tư còn chủ quan, đặt nặng mục tiêu về hiệu quả kinh tế, cố tình cắt giảm chi phí đầu tư ban đầu cho PCCC, đầu tư các hệ thống kém chất lượng, thi công không đúng theo thiết kế,...; đơn vị kinh doanh dịch vụ PCCC không đáp ứng được điều kiện, năng lực kinh doanh hoặc vì lợi nhuận thực hiện theo tiêu chí để ra nên không tư vấn được cho chủ đầu tư những giải pháp về PCCC tối ưu trong thiết kế;...

Vai trò, trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành, chính quyền địa phương trong công tác quản lý Nhà nước về

PCCC chưa tốt, còn có hiện tượng buông lỏng quản lý, hoặc “khoán trắng” cho lực lượng Công an, Cảnh sát PCCC. Công tác đầu tư, trang bị phương tiện PCCC theo trách nhiệm của chính quyền địa phương còn hạn chế do khó khăn về ngân sách...

Tại một số chung cư cao tầng: Việc quản lý các khu chung cư, nhà nhiều tầng còn thiếu chặt chẽ. Cơ chế hoạt động của các Ban quản lý khu chung cư, nhà nhiều tầng không thống nhất, trách nhiệm quản lý công tác PCCC rất hạn chế. Việc quản lý, điều hành công tác PCCC còn lúng túng, nhất là trong việc quản lý, bảo dưỡng hệ thống thiết bị PCCC. Ban Quản lý nhà nhiều tầng, nhất là các chung cư cao tầng chưa thấy hết trách nhiệm đối với công tác PCCC; chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý các vi phạm, tồn tại thiếu sót về PCCC; không thường xuyên tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp PCCC, thoát nạn trên nhà cao tầng; không chú trọng xây dựng lực lượng PCCC tại chỗ nên khi xảy ra cháy thường ứng phó xử lý chậm, gây thiệt hại lớn. Lực lượng PCCC, dân phòng tại nhiều khu dân cư chưa hoạt động hiệu quả, nên chưa phát huy được tốt phương châm “bốn tại chỗ” trong PCCC...

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Trước tình hình xây dựng và phát triển mạnh mẽ các nhà chung cư, nhà cao tầng như hiện nay, cùng với đó là quá trình biến đổi khí hậu ở Việt Nam đang diễn ra mạnh mẽ, nắng nóng kéo dài, thiên tai, lũ lụt, thời tiết có nhiều biến đổi sẽ tác động mạnh mẽ đến quá trình xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng ở nước ta, nhất là trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC. Do đó, để đảm bảo an toàn về PCCC trong xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng ở Việt Nam hiện nay, cần tập trung làm tốt một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, các Bộ, ban, ngành có liên quan, UBND các cấp trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC nói chung và đối với quá trình quy hoạch, xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng nói riêng; Bộ Công an và Bộ Xây dựng phối hợp tập trung rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC chưa phù hợp, còn thiếu nhằm tăng cường chức năng quản lý Nhà nước đồng thời

phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân đối với lĩnh vực này. Đồng thời, tránh sự chồng chéo lẫn nhau và có quy định, quy chế phối hợp cụ thể nhất là trong quản lý về đầu tư xây dựng nhà chung cư, nhà cao tầng.



Việc quy hoạch trong xây dựng và phát triển các công trình nói chung và các nhà chung cư, nhà cao tầng nói riêng cần đảm bảo các quy định của pháp luật về PCCC

Hai là, việc quy hoạch trong xây dựng và phát triển các công trình nói chung và các nhà chung cư, nhà cao tầng nói riêng cần đảm bảo các quy định của pháp luật về PCCC khi đầu tư xây dựng cụ thể như về đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC; giao thông phục vụ công tác chữa cháy; nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy;... đảm bảo các yêu cầu, quy định của các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC như TCVN 3890:2009; QCVN 06:2010/BXD;...

Ba là, trong xây dựng các nhà chung cư, nhà cao tầng cần tuân thủ các quy định của pháp luật về PCCC ngay từ khâu chấp thuận địa điểm, thẩm duyệt thiết kế về PCCC, đầu tư xây dựng cho đến khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Pháp luật về PCCC quy định rất cụ thể các nội dung này, do đó, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế và nhà thầu xây dựng khi triển khai thực hiện cần nghiêm túc chấp hành; kiên quyết không nghiệm thu đưa vào sử dụng những công trình không đảm bảo an toàn về PCCC theo quy định.

Bốn là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về PCCC để thay đổi, nâng cao nhận thức cho người dân, chú trọng việc hướng dẫn, phổ biến các kỹ năng thoát nạn, chữa cháy ban đầu. Tăng cường hướng dẫn cơ sở, khu dân cư tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả công tác “bốn tại chỗ” ngay từ khi cháy, nổ mới phát sinh. Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về PCCC của chủ đầu tư xây dựng, Ban quản trị, Đơn vị quản lý nhà chung cư, nhà cao tầng;

nâng cao năng lực các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, thi công về PCCC; chấp hành nghiêm các quy định về cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn về PCCC theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014.

Năm là, lực lượng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ (CNCH) là lực lượng nòng cốt trong quản lý nhà nước về PCCC nói chung và đối với nhà chung cư, nhà cao tầng nói riêng cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCCC, kiến thức và kỹ năng thoát nạn khi gặp các tình huống cháy nổ xảy ra cho người sử dụng công trình, người sinh sống và làm việc tại các nhà chung cư, nhà cao tầng. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu, ứng dụng những tiến bộ về khoa học trong lĩnh vực PCCC đối với nhà chung cư, nhà cao tầng ở các nước phát triển trên thế giới vào thực tiễn công tác đảm bảo an toàn về PCCC trong xây dựng và phát triển nhà chung cư, nhà cao tầng ở Việt Nam.

Sáu là, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH cần tham mưu cho UBND các cấp, chính quyền địa phương trong việc tăng cường các biện pháp, giải pháp đảm bảo an toàn về PCCC đối với các nhà chung cư, nhà cao tầng được xây dựng trước Luật PCCC năm 2001, đặc biệt là trước năm 1975. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về PCCC, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, kiên quyết đình chỉ, tạm đình chỉ đối với các trường hợp vi phạm về PCCC. Đồng thời, phải có chế tài để gắn trách nhiệm người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị vào công tác PCCC...

Những giải pháp trên là khá toàn diện, tuy nhiên, để các giải pháp đó đi vào cuộc sống và tạo ra hiệu quả trong công tác PCCC thì chắc chắn phải có thời gian. Vì vậy hơn ai hết, mỗi người dân phải tự nâng cao ý thức để phòng cháy nổ trong chính ngôi nhà của mình. Khi các ngôi nhà, xưởng máy... bình yên thì công tác PCCC mới được gọi là hiệu quả, góp phần ổn định kinh tế - xã hội tạo điều kiện cho phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2014), Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Hà Nội.

2. Chính phủ (2014), Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Hà Nội.

3. Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (2018), Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra liên ngành về PCCC đối với nhà chung cư, nhà cao tầng, siêu cao tầng và các cơ sở tập trung đông người có nguy cơ cháy, nổ cao tại 07 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hà Nội.

4. Hoàng Ngọc Hải, Lê Quang Hải, Trịnh Thế Tuấn (2018), Sách chuyên khảo "Quản lý nhà nước về PCCC đối với chung cư cao tầng của lực lượng Cảnh sát PCCC trong giai đoạn hiện nay", Nhà xuất bản GTVT, Hà Nội.

